TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HC-ST
Ngày: 28 - 3 - 2023
V/v "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Lài
Bà Trần Thanh Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 151/2022/TLST- HC ngày 25-11-2022 về việc *"Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HC ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Đặng H, sinh năm 1980. Hộ khẩu thường trú: số 254 Nguyễn Hữu Cảnh, phường T, thành phố V, Bà Rịa - Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: số 242 Nguyễn Thiện Thuật, phường T, thành phố V, Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 40/3B đường V, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt).

* *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố V .

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T1 - Chủ tịch UBND

Địa chỉ: số 89 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố V(xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương T2, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T3 - Chủ tịch

Địa chỉ: số 01 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

- Bà Phạm Ngọc Y - Trưởng phòng đầu tư đất - Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh B (ông Mạnh xin vắng mặt, bà Yến có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 254 Nguyễn Hữu Cảnh, phường T, thành phố V(xin vắng mặt)

2. Ông Trần Tấn P, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 93/12/1 Lưu Hữu Phước, phường T, thành phố V(xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:*

Vợ chồng ông H (H - Nguyễn Thị Ngọc T4) tích cóp và vay mượn mua được căn nhà số 242 Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Vdiện tích 42m^2 để ở và làm chỗ kinh doanh buôn bán. Ông H làm nghề sửa xe máy.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5171/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Tấn P (H - Nguyễn Thị Ngọc T4 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan), địa chỉ 242, đường Nguyễn Thiện Thuật do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật (đoạn từ trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, thành phố V. Theo đó: thu hồi và bồi thường 14,7m^2 đất ở trong đó gồm 4,5m^2 thuộc phần diện tích 42m^2 đất ở của Giấy chứng nhận QSD đất số số L 615884 nêu trên và 10,2m^2 đất nằm ngoài giấy chứng nhận.

Không đồng ý, ông H làm đơn khiếu nại Quyết định số 5171/QĐ-UBND nêu trên đến Chủ tịch UBND thành phố V với nội dung đề nghị bồi thường đất thu hồi theo giá thị trường; giao tái định cư hoặc đất ở mới.

Ngày 23/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6964/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H với nội dung:

bác nội dung yêu cầu bồi thường đất thu hồi theo giá thị trường; bác nội dung giao tái định cư hoặc đất ở mới.

Không đồng ý, ông H tiếp khiếu lên Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với nội dung: đề nghị giao đất tái định cư hoặc đất ở mới.

Ngày 31/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2625/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông H (lần 2) với nội dung: bác nội dung yêu cầu giao tái định cư hoặc đất ở mới. Với lý do: *"phần diện tích còn lại vẫn đủ điều kiện để ở và được cấp phép xây dựng tạm theo quy định tại Khoản 33, Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng 2014. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh B quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở và Khoản 2 Điều 22 Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh B quy định về việc xem xét hỗ trợ giao đất ở, thì trường hợp ông H không đủ điều kiện cấp tái định cư hoặc đất ở mới"*.

Việc bồi thường và giải quyết khiếu nại trên là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông H. Bởi lẽ:

Tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ban hành kèm theo Quyết định số 52/20214/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B) quy định về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở: *"2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi nhà nước thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở (dưới 40 m^2) mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư theo nguyên tắc tổng diện tích đất ở hoặc nhà ở tái định cư được bồi thường không lớn hơn diện tích đất ở thu hồi. Đối với trường hợp bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện chịu trách nhiệm tính toán và được thanh toán bằng tiền theo quy định tại Khoản 2, Điều 30, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP"*. Căn cứ quy định này thì hộ ông H đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở.

Tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: *"a) Trường hợp tiền bồi thường về đất lớn hơn tiền đất ở,*

nhà ở hoặc tiền nhà ở tại khu tái định cư thì người tái định cư được nhận phần chênh lệch đó; b) Trường hợp tiền bồi thường về đất nhỏ hơn tiền đất ở, nhà ở hoặc tiền nhà ở tái định cư thì người được bố trí tái định cư phải nộp phần chênh lệch, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 22 của Nghị định này”.

Như vậy, nếu có sự chênh lệch tiền bồi thường về đất nhỏ hơn tiền đất ở thì hộ ông H sẽ nộp phần chênh lệch đó. Hay nói cách khác hộ ông H sẽ trả tiền để mua phần quyền sử dụng đất chênh lệch này.

Từ những cơ sở nêu trên, hộ ông H đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở hay nói cách khác là hộ ông H đủ điều kiện được giao 01 lô đất ở.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

** Người bị kiện:*

1. Chủ tịch UBND tỉnh B có văn bản ý kiến:

1.1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông H:

Theo kết quả xác minh, thu thập hồ sơ tài liệu của Tổ xác minh Thanh tra tỉnh thể hiện: Ngày 06/3/1998, UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 ngày 06/3/1998 cho ông Trần Văn P1 với diện tích 42m^2 đất ở, thuộc thửa 132, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính phường 9 (cũ, nay là phường T). Ngày 08/12/2012, ông P1 tặng cho ông Trần Tấn P được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vxác nhận. Ngày 08/5/2018, ông P chuyển nhượng cho ông H - bà Nguyễn Thị Ngọc T4 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vxác nhận.

Diện tích đất 14,7m^2 ông H đang sử dụng bị thu hồi gồm 02 phần:

+ Phần diện tích 4,5m^2 thuộc tổng diện tích 42m^2 đất ở thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 nêu trên;

+ Phần diện tích 10,2m^2 còn lại phía trước, ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 nhưng thuộc diện tích đất ông P1 kê khai đăng ký sử dụng từ năm 1990, thửa 132, tờ bản đồ 01. Năm 2012, ông P1 cho lại ông Trần Tấn P và đến năm 2018 ông P chuyển nhượng lại cho ông H bằng giấy viết tay và sử dụng liên tục từ đó đến nay, không có tranh chấp.

1.2. Về quá trình thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường:

Ngày 16/3/2018, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 1436/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường N (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, thành phố V.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5169/QĐ-UBND về việc thu hồi 14,7m^2 đất do ông (bà) H - Nguyễn Thị Ngọc T4 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đang sử dụng tại phường T để thực hiện dự án:

Cải tạo, nâng cấp đường N (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, Tp. Vũng Tàu.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5171/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) H - Nguyễn Thị Ngọc T4 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đang sử dụng tại phường T để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường N (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, thành phố V. Diện tích đất thu hồi và được bồi thường là 14,7m^2, thửa 17 tờ bản đồ thu hồi đất. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 265.867.890 đồng.

1.3. Về nội dung khiếu nại yêu cầu giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới:

Theo kết quả xác minh thì phần diện tích đất thu hồi của ông H là 14,7m^2 (gồm phần diện tích 4,5m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 do UBND tỉnh cấp cho ông Trần Văn P1 ngày 06/3/1998 và phần diện tích 10,2m^2 còn lại phía trước ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 nhưng thuộc diện tích đất ông P1 kê khai đăng ký sử dụng từ năm 1990, thửa 132, tờ bản đồ 01).

Phần diện tích đất còn lại sau thu hồi là 37,5m^2 (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884) và 2,4m^2 đất ngoài giấy. Tổng diện tích sử dụng là 39,9m^2, đủ điều kiện để ở và được cấp phép xây dựng tạm theo quy định tại khoản 33, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở và khoản 2, Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B quy định về việc xem xét hỗ trợ giao đất ở, thì trường hợp của ông H không đủ điều kiện cấp đất tái định cư hoặc giao đất ở mới.

Như vậy, nội dung khiếu nại của ông H yêu cầu giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới là không có cơ sở để giải quyết.

Qua xem xét, UBND tỉnh nhận thấy nội dung đơn khởi kiện của ông H không có tình tiết mới phát sinh làm thay đổi bản chất vụ việc, vì vậy, UBND tỉnh kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

2. Ủy ban và Chủ tịch UBND thành phố V có văn bản ý kiến:

2.1. Nội dung khiếu nại và yêu cầu của ông H:

Ông H khiếu nại Quyết định số 5171/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường N (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T; Chủ tịch UBND thành phố V đã giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 6964/QĐ-UBND ngày 23/12/2020.

Ông H yêu cầu: Giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới.

2.2. Kết quả giải quyết khiếu nại:

2.2.1. Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu:

Ngày 23/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6964/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H, với nội dung: Bác nội dung khiếu nại của ông H về việc yêu cầu giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố V tại Quyết định số 6964/QĐ-UBND nêu trên, ông H tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

2.2.2. Kết quả giải quyết khiếu nại lần hai:

Ngày 31/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2625/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai, theo đó: *"Bác nội dung khiếu nại của ông H về việc yêu cầu giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới"*.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh B, ông H khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

2.3. Ý kiến của UBND thành phố V đối với những vấn đề của người khởi kiện:

2.3.1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

(như nội dung văn bản ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh đã gửi Tòa án).

2.3.2. Về quá trình thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường:

Ngày 16/3/2018, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 1436/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường N (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, thành phố V.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5169/QĐ-UBND về việc thu hồi 14,7m^2 đất do ông (bà) H – Nguyễn Thị Ngọc T4 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đang sử dụng tại phường T để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, thành phố V.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5171/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) H – Nguyễn Thị Ngọc T4 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đang sử dụng tại phường T để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, thành phố V. Diện tích đất thu hồi và được bồi thường là 14,7m^2 đất ở, thửa 17, tờ bản đồ thu hồi đất. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 265.867.890 đồng. Không hỗ trợ giao đất tái định cư, giao đất ở mới.

2.3.3. Về nội dung khởi kiện yêu cầu giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới:

Theo kết quả xác minh thì phần diện tích đất thu hồi của ông H là 14,7m^2 (gồm phần diện tích 4,5m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 do UBND tỉnh cấp cho ông Trần Văn P1 ngày 06/3/1998 và phần diện tích 10,2m^2 còn lại phía trước ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 nhưng thuộc diện tích đất ông P1 kê khai đăng ký sử dụng từ năm 1990, thửa 132, tờ bản đồ 01 cũ).

Phần diện tích đất còn lại sau thu hồi là 37,5m^2 (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884) và 2,4m^2 đất ngoài giấy (thuộc diện tích ông P1 kê khai đăng ký năm 1990). Tổng diện tích sử dụng là 39,9m^2, đủ điều kiện để ở và được cấp phép xây dựng tạm theo quy định tại khoản 33, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014.

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất số 1093/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050 của thành phố Vthì diện tích 39,9m^2 thuộc quy hoạch đất ở đô thị.

Đồng thời, theo Văn bản số 3181/CNVPĐKĐĐ ngày 24/4/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký thành phố Vcó nội dung như sau:

"1. Ông H (chồng), số CMND: 273715199 không có tên kê khai đăng ký cũng như không có tên chủ sử dụng đất trên địa bàn thành phố V.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4 (vợ), số CMND: 273139246 có đứng tên kê khai đăng ký chủ sử dụng đất đối với Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 696601 được UBND thành phố V cấp ngày 08/6/2012 với diện tích 93,6m^2 gồm 50m^2 đất ở và 43,6m^2 đất trồng cây lâu năm."

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở và khoản 2 Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B quy định về việc xem xét hỗ trợ giao đất ở, thì trường hợp của ông H không đủ điều kiện giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới.

Từ những căn cứ pháp luật viện dẫn ở trên, căn cứ hồ sơ vụ việc, UBND thành phố V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết: Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ iên quan:

- *Bà Nguyễn Thị Ngọc T4 trình bày*: Bà là vợ chủa ông H, Bà hoàn toàn đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H và đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

- *Ông Trần Tấn P trình bày*:

Tôi là chủ nhà số 242 Nguyễn Thiện Thuật, phường T, thành phố V. Do

nhà cũ, xuống cấp, khi hỏi xin xây dựng sửa chữa thì được biết phần đất này nằm trong quy hoạch mở hẻm không đủ điều kiện xây dựng mới. Ông đã bán căn nhà này cho vợ, chồng ông H để dồn tiền mua chỗ đẹp và ổn định hơn. Hiện nhà đất này toàn quyền định đạt của vợ chồng ông H, Ông không hề có tranh chấp hay đòi hỏi bất cứ quyền lợi nào. Đề nghị Tòa án các cấp giải quyết vắng mặt Ông.

Tại phiên tòa:

- Phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Phía người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến của mình;

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông H là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 điều 193 Luật tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối tượng bị kiện, thẩm quyền giải quyết và đương sự của vụ án:

- Quyết định số 5171/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Tấn P (ông H – bà Nguyễn Thị Ngọc T4 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) (*viết tắt: Quyết định số 5171*).

- Quyết định số 6964/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H (*viết tắt: Quyết định số 5171*).

- Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông H (lần 2) (*viết tắt: Quyết định số 5171*).

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đương sự trong vụ án gồm có: Ông H là người khởi kiện; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch UBND thành phố V , Chủ tịch UBND tỉnh B là người bị kiện; ông Trần Tấn P và bà Nguyễn Thị Ngọc T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Các quyết định nêu trên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định:

Xét thấy, Quyết định số 5171, Quyết định số 6964 và Quyết định số 2625 đã được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định.

[1.4] Về sự vắng mặt của các đương sự: xét thấy, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; đương sự vắng mặt đã có ý kiến về vụ án, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng Hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Nhận thấy, Ngày 16/3/2018 UBND thành phố V ban hành "Thông báo thu hồi đất"; Ngày 17/4/2018 ông H và bà T4 tiến hành đăng ký kết hôn; Ngày 20/4/2018 ông H lập hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông P tại Văn phòng công chứng; Ngày 08/5/2018 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vxác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên trên trang IV (bao gồm cả phần diện tích đất đã có thông báo thu hồi).

Như vậy, việc Đăng ký kết hôn, việc lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sự xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P và ông H trên trang IV của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vđều diễn ra sau khi có "Thông báo thu hồi đất".

Căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thì việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vxác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P và ông H trên trang IV bao gồm cả phần đã có thông báo thu hồi đất là sai quy định

[2.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 5171 ngày 16/10/2020:

Nhận thấy, diện tích đất 14,7m^2 ông H đang sử dụng bị thu hồi gồm 02 phần:

+ Phần diện tích 4,5m^2 thuộc tổng diện tích 42m^2 đất ở thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884;

+ Phần diện tích 10,2m^2 còn lại phía trước giáp đường, ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884, nhưng thuộc diện tích đất ông P1 kê khai đăng ký sử dụng từ năm 1990, thửa 132, tờ bản đồ 01. Năm 2012, ông P1 cho lại ông Trần Tấn P và đến năm 2018 ông P chuyển nhượng lại cho ông H bằng giấy viết tay và sử dụng liên tục từ đó đến nay, không có tranh chấp.

Ngày 16/3/2018, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 1436/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường N (đoạn từ Trạm y tế đến ngã 3 Hàng Dương), phường T, thành phố V.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5169/QĐ-UBND về việc thu hồi 14,7m^2 đất do ông (bà) H - Nguyễn Thị Ngọc T4 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đang sử dụng đất.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5171/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) H - Nguyễn Thị Ngọc T4 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đang sử dụng đất. Diện tích đất thu hồi và được bồi thường là 14,7m^2, thửa 17 tờ bản đồ thu hồi đất. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 265.867.890 đ.

Theo kết quả xác minh thì phần diện tích đất thu hồi của ông H là 14,7m^2 (gồm phần diện tích 4,5m^2 thuộc GCNQSD đất số L 615884 do UBND tỉnh cấp cho ông Trần Văn P1 ngày 06/3/1998 và phần diện tích 10,2m^2 còn lại phía trước ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884 nhưng thuộc diện tích đất ông P1 kê khai đăng ký sử dụng từ năm 1990, thửa 132, tờ bản đồ 01).

Phần diện tích đất còn lại sau thu hồi là 37,5m^2 (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 615884) và 2,4m^2 đất ngoài giấy. Tổng diện tích sử dụng là 39,9m^2, đủ điều kiện để ở và được cấp phép xây dựng tạm theo quy định tại khoản 33, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014.

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất số 1093/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050 của thành phố Vthì diện tích 39,9m^2 thuộc quy hoạch đất ở đô thị.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở và khoản 2 Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của

UBND tỉnh B quy định về việc xem xét hỗ trợ giao đất ở, thì trường hợp của ông H không đủ điều kiện cấp đất tái định cư hoặc giao đất ở mới.

Ông H cho rằng, những hộ có nhà đất cùng tuyến đường bị thu hồi đất tương tự như của Ông đều được giao đất tái định cư, nên nhà đất của Ông cũng phải được xem xét cấp 01 lô đất tái định cư hoặc được giao 01 lô đất ở mới, nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 6964 và Quyết định số 2625:

Nhận thấy, do Quyết định số 5171/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 và Quyết về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông (bà) H là đúng pháp luật, nên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6964 ngày 23/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2625 ngày 31/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đối với nội dung *"Bác nội dung đơn khiếu nại của ông H yêu cầu: giao 01 lô đất tái định cư hoặc giao 01 lô đất chỗ ở mới"* là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận khởi kiện của ông H về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải bố trí cho ông H 01 lô đất tái định cư hoặc giao 01 lô đát ở mới theo quy định.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hết 1.200.000 đồng, ông H phải chịu toàn bộ (đã nộp đủ).

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận khởi kiện, nên ông H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 2 điều 52 Quyết định số 52QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B; khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H về các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy "*Mục G Điều 1 (phần tái định cư: Không)"*, thuộc Quyết định số 5171/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V "*Về việc phê*

duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Trần Tuấn P (ông H, bà Nguyễn Thị Ngọc T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)" do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật, phường T, thành phố V.

- Yêu cầu hủy *"Điều 1 (phần bác nội dung yêu cầu giao tái định cư hoặc đất ở mới)"*, thuộc Quyết định số 6964/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V "*Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H"*.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông H.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố V phải giao cho ông H 01 lô đất tái định cư hoặc 01 lô đất ở mới theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Đăng H phải chịu số tiền 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000072 ngày 22/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (ông H đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Thiện